

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 95/2024/HS-ST

Ngày 15 - 7 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đình và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2024/TLST- HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc N, sinh ngày 03/6/1997, tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1973 và bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1970; đều trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Từ năm 2016 đến 2018 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Tiểu đoàn Đảo T – Lữ đoàn 242 – Quân khu C1. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 11/4/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh T.

Được dẫn giải có mặt.

*** Người chứng kiến:**

- Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1970; (Vắng mặt)

- Ông Phạm Văn L, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

- Anh Phạm Duy H, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2024, Phạm Ngọc N đi đến địa phận xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ 01 gói Hêrôin với giá 800.000 đồng. Khi về đến nhà N lấy Hêrôin ra chia thành 05 gói, gói trong giấy trắng có dòng kẻ để trong túi nylon có viên cài màu đỏ. Đến 19 giờ cùng ngày N cầm 01 gói Hêrôin ở tay trái đang đi trên trục đường thôn H, xã T thì bị tổ công tác Công an xã T kiểm tra, N đã tự giác giao nộp 01 gói màu trắng có dòng kẻ bên trong chứa chất bột màu trắng, dạng cục (Niêm phong mẫu A1), N khai là H1 mang đi tìm chỗ sử dụng. Tổ công tác đã mời người chứng kiến tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Cùng ngày cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc N, thu giữ trong hộp nhựa màu nâu để dưới nền nhà đầu giường trong phòng ngủ của N có 01 túi nylon có viên cài màu đỏ bên trong có 04 gói màu trắng có dòng kẻ bên trong chứa chất bột màu trắng, dạng cục (Niêm phong mẫu A2).

Bản Kết luận giám định số 465/KL-KTHS ngày 08/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, mẫu A1 có khối lượng 0,0594 gam, mẫu A2 có khối lượng 1,0858 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định trên.

Bản cáo trạng số 87/CT-VKSTT ngày 20/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo khai mua của một người đàn ông không quen biết, không biết tên, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát huyện T giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Ngọc N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc N phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo đã ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi tàng trữ 1,1452 gam ma túy loại Hêrôin với mục đích sử dụng cho bản thân **sau đó bị bắt quả tang và bị thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp**. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập tại Công an xã T lập ngày 04/4/2024; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu lập ngày 04/4/2024; Bản Kết luận giám định số 465/KL-KTHS ngày 08/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến bà Đoàn Thị D, ông Phạm Văn L và anh Phạm Duy H cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại quyền quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Bị cáo đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Ngọc N đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình

sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Ma túy là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến đại dịch HIV/AIDS đồng thời là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy, bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của mình và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội đồng thời đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lần đầu phạm tội, không có công việc ổn định và không có tài sản có giá trị lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 1,0935 gam hêrôin trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 465/KL-KTHS của Phòng K - Công an tỉnh T *(Có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy)*.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Ngọc N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/7/2024.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Thái Thụy;
- Trạm tạm giam Công an

Thái Bình;

- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái

Thụy;

- Cơ quan THAHS huyện

Thái Thụy;

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương